

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/DS-PT

Ngày: 26 - 10 - 2021

V/v “*Tranh chấp đòi lại đất cho mượn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thắm.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Tuấn.

Bà Nguyễn Thị Hoài Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phương Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Lệ Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 118/2021/TBTL-DS ngày 28 tháng 4 năm 2021 về việc tranh chấp đòi lại đất cho mượn.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2021/DS-ST ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 15/2021/QĐXXPT-DS ngày 05 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Đình L (B), sinh năm 1936 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn Th, xã Nh, thị xã A, Bình Định.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1936.

Địa chỉ: Thôn Th, xã Nh, thị xã A, Bình Định.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thị H: Luật sư Hoàng Qu; địa chỉ: Số 108A đường N, KV Ch, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lê Trung Ho, sinh năm 1963 (có mặt).

2. Anh Lê Trung Th, sinh năm 1966 (có mặt).

3. Anh Lê Đình Ph, sinh năm 1975 (vắng mặt).

4. Anh Lê Trung Ca, sinh năm 1963 (có mặt).

5. Anh Lê Trung B, sinh năm 1965 (có mặt).

6. Anh Lê Trung Y, sinh năm 1967 (có mặt).

Đồng trú tại: Thôn Th, xã Nh, thị xã A, tỉnh Bình Định

7. Anh Lê Đình Qu, sinh năm 1971 (có mặt).

Địa chỉ: Số 360 đường Qu, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

8. Chị Lê Thị Nh, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 240 đường Ng, phường Nh, thị xã A, tỉnh Bình Định.

9. Chị Lê Thị Tr, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu vực C, phường Nh, thị xã A, tỉnh Bình Định.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thị H, trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn ông Lê Đình L, trình bày:

Thửa đất số 1001, diện tích 550m² (trong đó 200m² đất ở và 350m² đất vườn) tọa lạc tại thôn Th, xã Nh, huyện A, tỉnh Bình Định đã được UBND thị xã A cấp quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00786 QSDĐ/T3 ngày 04 tháng 11 năm 1993. Liên kế thửa đất của ông là thửa đất của bà Nguyễn Thị H. Nguyên hai thửa đất này trước kia là một thửa do cha mẹ ông là cụ Lê H (chết năm 1979) và cụ Võ Thị M (chết năm 1989) tạo lập. Năm 1973 cụ H và cụ M phân chia cho ông Lê Ngọc A (chết) một phần đất ở phía Đông, còn ông một phần đất ở phía Tây, ranh giới hai bên là hàng rào cây chè, riêng ông Lê Ngọc Tr thì cha mẹ cho riêng một lô đất khác ở gần đó và xây dựng nhà ở riêng. Năm 1976, ông có cho ông A mượn một phần đất, diện tích khoảng 25m² (5m x 5m) nằm ở góc Đông Nam của thửa đất mà cha mẹ đã chia cho vợ chồng ông để ông A làm nơi để rơm rạ. Đến năm 1995 bà H (vợ ông A) không để rơm rạ trên diện tích đất mượn của ông nhưng không trả lại đất cho ông mà dùng để trồng bầu bí. Tháng 9 năm 2019 ông có ý định xây dựng tường rào lưới B40 theo hàng rào cây chè đúng như diện tích đất đã được Nhà nước cấp quyền cho ông nhưng bà H ngăn cản và hai bên xảy ra tranh chấp. Nay ông yêu cầu bà H trả lại 25m² đất thuộc góc Đông Nam khu vườn mà trước đây ông cho gia đình bà H mượn để rơm rạ.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H, trình bày:

Chồng bà tên Lê Ngọc A chết năm 1993. Nguyên thửa đất hiện nay vợ chồng bà và em chồng là ông Lê Đình L đang sử dụng là của cụ Lê H và cụ

Võ Thị M (cha mẹ chồng) tạo lập để lại. Năm 1971 cụ H cho vợ chồng bà thửa đất ở phía Đông của mảnh đất để cất nhà ở, diện tích cụ thể bao nhiêu bà không rõ. Đến năm 1973 cụ H cho phần đất còn lại ở phía Tây cho ông L xây nhà. Ranh giới hai thửa đất là hàng rào cây sống, phía trước thẳng còn phía sau hơi cong. Khi xây nhà trên đất cha mẹ cho, vợ chồng bà dành một khoảng đất trống ở trước ngõ khoảng $15m^2$ làm nơi để rơm rạ nuôi bò, vợ chồng bà gánh đất nâng nền để chất rơm khỏi bị ướt, cụ thể nâng bao nhiêu khối đất bà không nhớ, bà chỉ biết là nền đất sâu khoảng hơn 1m. Năm 2019 ông L xin phần đất bà đang trồng bầu bí để xây hàng rào, bà không đồng ý thì ông L chặt phá giàn bầu bí nên đã xảy ra tranh chấp. Bà không có mượn đất của ông L làm nơi để rơm rạ nên việc ông L yêu cầu bà trả lại đất bà không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Trung Ho, anh Lê Trung Th, anh Lê Đình Ph và anh Lê Đình Qu, thống nhất trình bày:

Các anh là con của ông Lê Đình L, hiện các anh đã có gia đình và ở riêng. Các anh thống nhất như lời trình bày của ông Lê Đình L về nguồn gốc đất và việc ông L có cho vợ chồng bà Nguyễn Thị H mượn một phần đất ở góc Đông Nam thửa đất có diện tích khoảng $25m^2$ ($5m \times 5m$) làm nơi để rơm rạ. Nay các anh có ý kiến yêu cầu bà H trả phần lại đất mượn này cho ông L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Trung C, trình bày:

Anh là con của bà Nguyễn Thị H, ông Lê Đình L là chú ruột. Anh thống nhất như lời trình bày của bà H về mối quan hệ gia đình và nguồn gốc đất đang tranh chấp. Khi Nhà nước giao quyền sử dụng ruộng đất thì hộ gia đình anh gồm có bà H và 05 anh chị em anh. Phần đất tranh chấp thuộc phía Đông Nam nhà ông L và phía Tây Nam nhà của bà H, diện tích khoảng $6,25m^2$ ($2,5m \times 2,5m$) phần đất này vợ chồng bà H dùng để chất rơm rạ từ khi ông cụ H và cụ M còn sống chung với vợ chồng bà H. Ban đầu, đất trũng thấp nên vợ chồng bà H và các con gánh đất nâng nền cao như hiện nay. A xác định ranh giới phân chia đất giữa hai gia đình là hàng rào cây sống hiện vẫn tồn tại, hàng rào này không thẳng mà cong. Năm 1993 ông A chết bà H dùng trụ rơm trên đất để làm giàn trồng bầu, trồng mướp nhưng ông L không nói gì. Nay ông L yêu cầu bà H trả lại diện tích đất hiện bà H đang trồng bầu, bí, anh C không đồng ý vì diện tích đất này cụ H và cụ M đã cho vợ chồng bà H sử dụng từ năm 1971 đến nay.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Trung B, anh Lê Trung Y, chị Lê Thị Nh và chị Lê Thị Tr, trình bày:

Các anh chị thống nhất như lời trình bày của anh Lê Trung C.

Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2021/DS-ST ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định. Tuyên xử:

1. Xác định $26m^2$ đất đang tranh chấp ở góc Đông Nam thửa đất số 1001, tờ bản đồ số 8 tại thôn Th, xã Nh, thị xã A và thuộc góc Tây Nam thửa

đất số 1002, tờ bản đồ số 8 tại thôn Th, xã Nh, thị xã A là đất thuộc quyền sử dụng của hộ gia đình ông Lê Đình L cho hộ gia đình ông Lê Ngọc A, bà Nguyễn Thị H mượn. Chấp nhận đơn khởi kiện của ông L. Buộc bà H và các con bà H phải hoàn trả lại 26m² đất cho ông L và các con ông L sử dụng (Có sơ đồ nhà đất kèm theo).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

- Ngày 29/3/2021 bị đơn bà Nguyễn Thị H, kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện của ông L. Bởi vì, gia đình bà H không mượn đất của ông L, diện tích đất tranh chấp là của gia đình bà H sử dụng ổn định từ năm 1975 cho đến nay.

Tại phiên Tòa phúc thẩm nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn giữ nguyên kháng cáo với nội dung như trên.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị HĐXX không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Đình Ph, chị Lê Thị Nh và Lê Thị Tr có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng theo quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguồn gốc thửa đất số 1001, tờ bản đồ số 08 và thửa đất số 1002, tờ bản đồ số 8 tại thôn Th, xã Nh, thị xã A là của cụ Lê H và cụ Võ Thị M để lại cho hai người con trai của hai cụ là ông Lê Ngọc A (Chồng bà H) và ông Lê Đình L sử dụng. Hai thửa đất liền kề nhau. Năm 1983 ông A kê khai quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1001 và ông L kê khai quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1002. Ngày 04/11/1993 UBND huyện A (Nay là thị xã A) đã cấp quyền sử dụng đất thửa đất số 1001 cho ông Lê Đình L với diện tích sử dụng là 550m² (200m² đất ở và 350m² đất vườn). Ngày 18/11/1993

UBND huyện A đã cấp quyền sử dụng đất thửa đất số 1002 cho ông Lê Ngọc A với diện tích sử dụng là 300m² (200m² đất ở và 100m² đất vườn). Từ khi cụ H và cụ M cho quyền sử dụng đất cho ông A và ông L sử dụng cho đến năm 2018 không có ai tranh chấp. Đến năm 2019 ông L và bà H tranh chấp 26m² đất ở góc Đông Nam thửa đất số 1001 và Tây Nam thửa đất số 1002. Ông L cho rằng 26m² đất nói trên là của ông cho bà H mượn làm nơi để rom rạ và hiện bà H đang sử dụng để trồng bầu bí; bà H cho rằng bà không có mượn đất của ông L. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông L không có tài liệu, chứng cứ chứng minh ông đã cho đất cho bà H mượn sử dụng trong khi đó bà H và ông L đều khai thống nhất là 26m² đất nói trên bà H sử dụng công khai, liên tục từ năm 1975 đến nay đã trên 30 năm nên căn cứ vào Điều 236 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì bà H trở thành chủ sở hữu tài sản đối với 26m² đất nói trên. Khi cấp quyền sử dụng đất, Ủy ban nhân dân huyện A không xem xét nguồn gốc đất, quá trình, thời gian sử dụng đất của người đang sử dụng đất nên đã cấp 26m² đất hiện bà H đang sử dụng cho ông Lê Đình L là không phù hợp.

[2.2] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Đình L.

[3] Về chi phí xem xét và định giá tài sản 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), ông L phải chịu, ông L đã tạm ứng và đã chi phí xong.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 và điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông L là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của bà Nguyễn Thị H được chấp nhận đồng thời bà H là người cao tuổi nên bà H không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn phát biểu luận cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa Bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Tòa.

[7] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm là không phù hợp với nhận định của Tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều khoản 7 Điều 221, Điều 236 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 147 và điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H.
 2. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2021/DS-ST ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định.
 3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đình L về việc “Đòi lại đất cho mượn”.
 4. Về chi phí tố tụng và án phí:
 - 4.1. Về chi phí xem xét và định giá tài sản 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), ông L phải chịu, ông L đã tạm ứng và đã chi phí xong.
 - 4.2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông L là người cao tuổi nên được miễn.
 - 4.3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị H không phải chịu.
- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND thị xã A;
- CCTHADS thị xã A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Đỗ Thị Thắm